TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 26-3-2020.
V/v "*Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Thạch Thanh Long.
2/. Ông Nguyễn Hữu Phước.

Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Sa Rên –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long *tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Ngoan-Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HN ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Hồ Thị Ngọc T, sinh năm 1987 (có đơn giải quyết vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: anh Đồng Thanh T, sinh năm 1989 (vắng mặt không lý do).
Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Hồ Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh T do quen biết được cha mẹ hai bên gia đình đồng ý, tổ chức đám cưới cho anh chị năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 30/6/2014, lúc cưới bên chồng có cho chị 1,5 chỉ vàng 18kra, sau đám cưới vợ chồng đã đồng ý bán hết để tiêu xài hiện nay không còn. Vợ chồng sống hạnh phúc được 04 tháng, đến tháng 02 năm 2015 thì xãy ra mâu thuẫn, lý do anh T ăn nhậu không lo làm ăn và không quan tâm đến mẹ con chị, nhiều lần chị và cha mẹ 02 bên có khuyên anh T bỏ rượu để làm ăn nuôi con nhưng không thành, đến tháng 6 năm 2015 thì vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không hàn gắn được.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng sinh được 01 người con chung tên Đồng Trâm A, sinh ngày 07/01/2015 hiện đang sống chung với chị.

Về tài sản chung: Qúa trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị.

Nay về quan hệ hôn nhân: chị xin được ly hôn với anh Đồng Thanh T; Về con chung tên: Đồng Trâm A, sinh ngày 07/01/2015 hiện đang sống chung với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2020 anh Đồng Thanh T là bị đơn trình bày: Anh là chồng của chị Hồ Thị Ngọc T. Anh hoàn toàn thống nhất lời trình bày của chị T về hôn nhân, nữ trang, con chung, tài sản chung là đúng sự thật. Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung, vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do vợ chồng bất đồng ý kiến, sống không có hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2015 đến nay không hàn gắn được.

Nay về quan hệ hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị Hồ Thị Ngọc T, về con chung tên Đồng Trâm A, sinh ngày 07/01/2015 hiện đang sống với chị T, sau khi ly hôn anh đồng ý cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Đồng Thanh T vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay chị Hồ Thị Ngọc T là nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Đồng Thanh T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn anh Đồng Thanh T chưa chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể anh T không có mặt trong các phiên hòa giải, công khai chứng cứ mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hồ Thị Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ Thị Ngọc T và anh Đồng Thanh T được ly hôn.

- Về con chung: chị Hồ Thị Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đồng Trâm A, sinh ngày 07/01/2015.

Anh Đồng Thanh T được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa có yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

Vị còn đề nghị buộc chị Hồ Thị Ngọc T có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay chị Hồ Thị Ngọc T là nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Đồng Thanh T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dụng vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Hồ Thị Ngọc T và anh Đồng Thanh T được xác lập vào năm 2014 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C vào ngày 30/6/2014 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị T với anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị T cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc được 04 tháng, đến tháng 02 năm 2015 thì xãy ra mâu thuẫn, lý do anh T ăn nhậu không lo làm ăn và không quan tâm đến mẹ con chị, nhiều lần chị và cha mẹ 02 bên có khuyên anh T bỏ rượu để làm ăn nuôi con nhưng không thành, đến tháng 6 năm 2015 thì vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không hàn gắn được. Anh T cho rằng do vợ chồng bất đồng ý kiến, sống không có hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2015

đến nay không hàn gắn được. Nay chị T và anh T đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn; Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Thắm và anh Tâm là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị T và anh T phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị T và anh T được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung tên: Đồng Trâm A, sinh ngày 07/01/2015 hiện đang sống với chị T, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, tại biên bản lấy lời khai anh T cũng thống nhất giao cháu Trâm A cho chị T nuôi dưỡng, từ đó nghĩ nên giao chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trâm A sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh T có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị T chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị Hồ Thị Ngọc T có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hồ Thị Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ Thị Ngọc T và anh Đồng Thanh T được ly hôn.

- Về con chung: chị Hồ Thị Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đồng Trâm A, sinh ngày 07/01/2015.

Anh Đồng Thanh T được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa có yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

- Về án phí: chị Hồ Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0005339,

ngày 23/10/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, chị Hồ Thị Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí, anh Đồng Thanh T không phải nộp án phí.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
-TAND tỉnh.
-VKSND huyện, tỉnh.
-CCTHADS huyện.
-Các đương sự.
-Lưu.

Lê Thị Trúc Linh